

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

- Bản án số: 48/2021/HNGĐ - ST
- Ngày: 24 - 12 - 2021
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đình Chí Công;**
2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2021/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 21a/2021/TB - TTPT, ngày 11/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/11/2021; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Tiền Tuyết b**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: khu phố Minh Long, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị B có mặt tại phiên tòa).

* *Bị đơn:* Anh **Dương Hải N**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp Minh Long, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
(Anh N được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2021, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Tiền Tuyết B trình bày: Vào năm 2018, chị và anh Dương Hải N tự nguyện thương yêu nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: trong thời gian chung sống chị và anh Hải N có 01 người con tên là Dương Lê Hải Kiên, sinh ngày 04/7/2019 hiện đang sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống chị và anh Hải N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, vợ chồng chị sống cùng nhau tại khu phố Minh Long, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhưng được thời gian sau vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh Hải N không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện tại anh Hải N đã bỏ nhà đi ở nhà trọ tại ấp Minh Long, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để ở và ly thân với chị từ cuối năm 2020 đến nay. Chị đã nhiều lần qua gặp để nói chuyện nhằm giải quyết mâu thuẫn nhưng anh Hải N cố tình né tránh. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, hạnh phúc gia đình không đạt nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Dương Hải N;
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Lê Hải Kiên, sinh ngày 04/7/2019 và chị không yêu cầu anh Hải N cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Hải N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng anh Hải N cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định anh Hải N vẫn không tự khai và

cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng anh Hải N và chị B có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Hải N vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập anh Hải N đến lần thứ hai nhưng anh Hải N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tiền Tuyết B được ly hôn với anh Dương Hải N.

Về con chung: Giao cháu Dương Lê Hải Kiên, sinh ngày 04/7/2019 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lê Tiền Tuyết B xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Lê Tiền Tuyết Băng xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Lê Tiên Tuyết B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Dương Hải N, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” . Theo biên bản xác minh ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với BLĐ ấp Minh Long, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xác nhận như sau: Mặc dù bị đơn anh Dương Hải N không có hộ khẩu thường trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện tại anh Hải N đang sinh sống và làm việc tại ấp Minh Long, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Dương Hải N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Hải N vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Tiên Tuyết B với anh Dương Hải N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2019 nên hôn nhân của chị Tuyết B và anh Hải N là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tuyết B yêu cầu ly hôn với anh Hải N: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Tuyết B xác nhận chị và anh Hải Ninh sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài. Sau đó vợ chồng anh chị thường hay mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và anh Hải N đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2020 đến nay, do đó chị và anh Hải N đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Tuyết B và anh Hải N có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh Hải Ninh vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến thứ hai để anh Hải N có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh Hải N vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh Hải Ninh không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị Tuyết B. Đồng thời chị Tuyết B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Hải N và trên thực tế anh chị đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng anh Hải

N không còn tự nguyện chung sống với chị Tuyết B nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tuyết B về việc xin ly hôn với anh Hải Ninh là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Tuyết B xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có con chung là Dương Lê Hải Kiên, sinh ngày 04/7/2019. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hải Kiên và chị không yêu cầu anh Hải N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi anh Hải N bỏ đi (tháng 01/2020) cho đến nay chị Tuyết B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải Kiên và chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu Hải Kiên nên Hội đồng xét xử giao cháu Hải Kiên cho chị Tuyết B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hải Kiên để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Hải N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Băng không yêu cầu anh Hải N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tuyết B xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Tuyết B xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Tiên Tuyết B về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Dương Hải N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội. Buộc chị Băng phải chịu 300.000đ tiền án phí nhưng chị Băng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001680, ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh Hải Ninh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tiên Tuyết B về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con ” với anh Dương Hải N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Tiên Tuyết B được ly hôn anh Dương Hải N.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Lê Hải Kiên, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Lê Tiên Tuyết B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Băng không yêu cầu anh Hải N cấp dưỡng nuôi con. Anh Hải N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Tiên Tuyết B xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Chị Lê Tiên Tuyết B xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Tiên Tuyết B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001680, ngày

26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Anh Dương Hải N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Minh Lương;
- UBND xã Minh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

